shì bù kě dāng

势不可当

adjective/idiom · overwhelming / irresistible

Example Sentences

gǎi gé de làng cháo shì bù kě dāng　wǒ men bì xū jī jí shì yìng xīn de biàn huà
改革的浪潮势不可当，我们必须积极适应新的变化。
The wave of reform is irresistible; we must actively adapt to the new changes.

miàn duì zhè gǔ shì bù kě dāng de chuàng xīn qū shì　nǐ dǎ suàn rú hé yìng duì
面对这股势不可当的创新趋势，你打算如何应对？
Facing this overwhelming trend of innovation, how do you plan to respond?

tā de rè qíng bìng fēi shì bù kě dāng　yǒu shí yě huì yīn cuò zhé ér xiāo tuì
他的热情并非势不可当，有时也会因挫折而消退。
His enthusiasm is not irresistible; it sometimes fades due to setbacks.
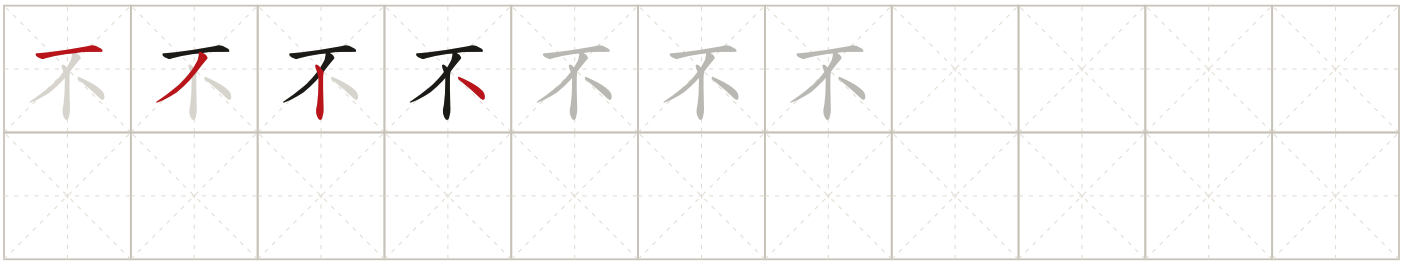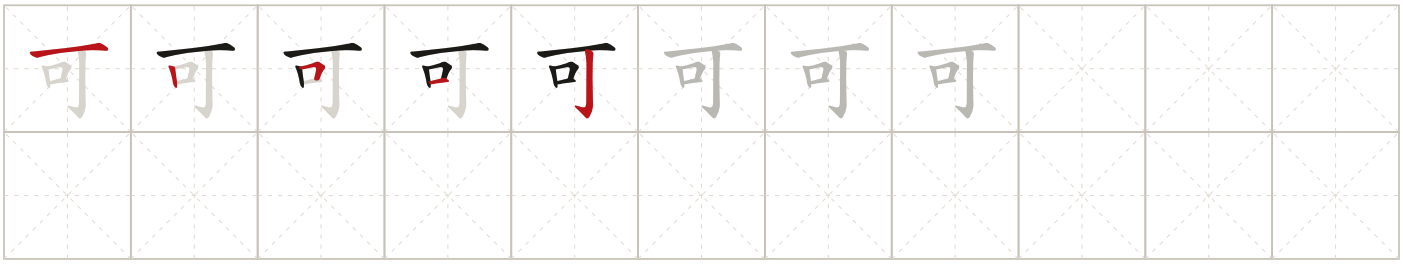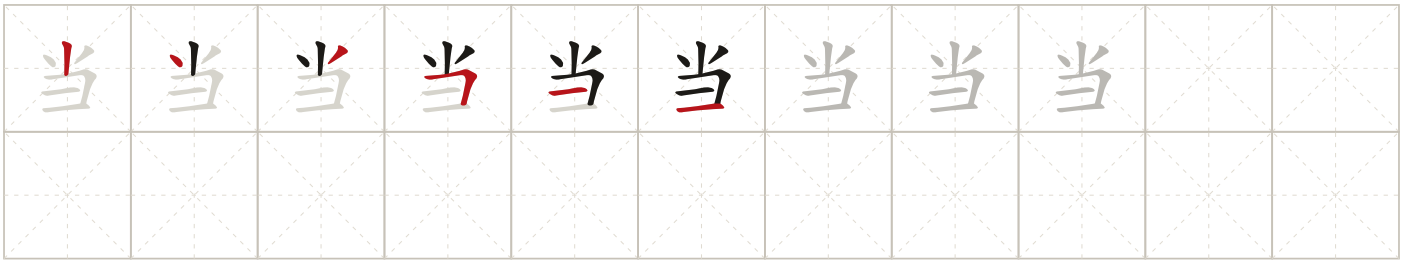
Trace each character, then write the word on your own.